

Số: /2026/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày tháng năm

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/Q15;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026 và bãi bỏ Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở, ban ngành tỉnh; Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Ngoại giao (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB và Tổ chức thi hành PL);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và PTTH tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tư pháp (Cơ sở Dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Trung tâm Thông tin-Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Quyền

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ
phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài
dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam hoạt động trên địa bàn tỉnh Hưng Yên nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Bên tiếp nhận viện trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP hoạt động trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Công tác quản lý viện trợ cần bảo đảm sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự quản lý, điều hành thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp đồng bộ giữa các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và sự chỉ đạo, hỗ trợ, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương.

2. Công tác quản lý, sử dụng viện trợ phải đảm bảo yêu cầu về chính trị, kinh tế và quốc phòng, an ninh.

3. Trong quá trình quản lý, sử dụng viện trợ cần chủ động đề ra các định hướng để tranh thủ nguồn viện trợ đảm bảo sự gắn kết với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và đối ngoại theo từng thời kỳ.

4. Việc quản lý và sử dụng viện trợ đảm bảo theo nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và không thuộc hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ được quy định tại Điều 5 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ

1. Đối với khoản viện trợ mà Bên tiếp nhận là cơ quan, đơn vị được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động: Bên tiếp nhận viện trợ lập kế hoạch vốn chuẩn bị khoản viện trợ gửi Sở Tài chính thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm hoặc bổ sung theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước hoặc Bên cung cấp viện trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị dự án, phi dự án, vốn chuẩn bị khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Chương II

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 5. Thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Bên tiếp nhận viện trợ phối hợp với bên cung cấp viện trợ xây dựng Hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP gửi Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ và chủ trì thẩm định theo quy định.

2. Trình tự lấy ý kiến, thẩm định khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

a) Sở Tài chính gửi bộ hồ sơ tới Công an tỉnh Hưng Yên và các sở, ban, ngành có chức năng liên quan để xin ý kiến. Các đơn vị có ý kiến góp ý gửi về Sở Tài chính để tổng hợp không vượt quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị có ý kiến. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý nhà nước của địa phương hoặc trường hợp khoản viện trợ thực hiện tại nhiều địa phương hoặc chủ khoản viện trợ không đăng ký hoạt động tại địa bàn quản lý, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

b) Sau khi thực hiện xong thủ tục xin ý kiến, Sở Tài chính tiến hành đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ thẩm định. Sau 03 ngày nhận được ý kiến của các sở, ban, ngành, trường hợp cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài chính thông báo chủ khoản viện trợ về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn thẩm định không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

c) Tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của khoản viện trợ, Sở Tài chính tổ chức thẩm định bằng hình thức tổng hợp ý kiến của các cơ quan có liên quan theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này hoặc tổ chức hội nghị thẩm định; Sở Tài chính có thể mời các cơ quan chuyên môn có liên quan, các tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập để hỗ trợ thẩm định dự án. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định

có liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình. Ý kiến thẩm định của Sở Tài chính là cơ sở để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt, tiếp nhận khoản viện trợ.

3. Nội dung thẩm định: Nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Phê duyệt khoản viện trợ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khoản viện trợ trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Tài chính. Nội dung quyết định phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi thông báo tới Chủ khoản viện trợ. Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ.

5. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt khoản viện trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định phê duyệt khoản viện trợ, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và các cơ quan liên quan về quyết định phê duyệt khoản viện trợ để giám sát và phối hợp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Điều chỉnh khoản viện trợ

1. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung có nội dung liên quan đến việc nhập khẩu các hàng hoá nhập khẩu làm cho khoản viện trợ trở thành trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 313/2025/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân tỉnh phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

2. Trường hợp việc thay đổi khoản viện trợ làm tăng vốn đối ứng hoặc tăng vốn viện trợ từ 300.000 đô la Mỹ trở lên, trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy chế này. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh phải nêu rõ nội dung điều chỉnh, lý do điều chỉnh.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, chủ khoản viện trợ có văn bản đề nghị điều chỉnh, trong đó xác định rõ nội dung điều chỉnh, lý do điều chỉnh. Trên cơ sở đề nghị của chủ khoản viện trợ, Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh khoản viện trợ.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh khoản viện trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định phê duyệt, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Công an tỉnh Hưng Yên và các cơ quan có liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 7. Quản lý thực hiện viện trợ

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện dự án, năng lực tổ chức quản lý dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Chủ khoản viện trợ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Ban quản lý dự án đại diện cho chủ dự án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Sau khi kết thúc, chủ khoản viện trợ tổ chức nghiệm thu, đánh giá và tiến hành các biện pháp cần thiết để khai thác và bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng để khai thác sử dụng và gửi báo cáo kết thúc dự án đến Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Tài chính, Công an tỉnh để theo dõi, tổng hợp.

Điều 8. Quản lý tài chính viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Mở tài khoản thanh toán cho dự án sử dụng vốn viện trợ:

Chủ khoản viện trợ thực hiện mở tài khoản cho dự án (bao gồm tài khoản vốn đối ứng và tài khoản vốn viện trợ) theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền:

a) Chủ khoản viện trợ, Kho bạc nhà nước khu vực IV hoặc Ngân hàng thương mại thực hiện giải ngân, thanh toán theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP

b) Hạch toán ghi thu ghi chi cho dự án sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

c) Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Việc hạch toán, kế toán, quyết toán thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

5. Vốn đối ứng.

a) Vốn đối ứng là khoản vốn đóng góp của phía Việt Nam (bằng hiện vật hoặc tiền) để tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ.

b) Các khoản viện trợ được bố trí vốn đối ứng theo nhu cầu hoặc cam kết

với bên cung cấp viện trợ: Bên tiếp nhận viện trợ đề xuất cụ thể nhu cầu vốn đối ứng trong văn kiện dự án, phi dự án trình thẩm định, phê duyệt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khoản viện trợ trong đó quyết định về mức vốn đối ứng bố trí. Việc bố trí vốn đối ứng cho khoản viện trợ thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

c) Nguồn vốn đối ứng: Nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, chủ khoản viện trợ tự bố trí, vốn đóng góp của đối tượng thụ hưởng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa: Việc tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

7. Thuế, kiểm toán các khoản viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 26 và Điều 27 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ

1. Chế độ báo cáo về kết quả vận động và báo cáo định kỳ về tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ.

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các chủ khoản viện trợ báo cáo kết quả vận động, tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ theo định kỳ 06 tháng và hằng năm. Báo cáo định kỳ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo (đối với báo cáo 06 tháng) và ngày 15 tháng 01 của năm tiếp sau (đối với báo cáo hằng năm). Thời điểm chốt số liệu là ngày 30 tháng 6 (đối với báo cáo 06 tháng) và 15 tháng 12 của năm báo cáo (đối với báo cáo hằng năm).

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp kết quả vận động, tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính, Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các cơ quan liên quan chậm nhất vào ngày 01 tháng 02 của năm kế tiếp hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Báo cáo kết thúc khoản viện trợ.

Trong thời hạn 06 tháng kể từ khi kết thúc dự án, Chủ khoản viện trợ gửi báo cáo kết thúc khoản viện trợ đến các cơ quan có liên quan theo quy định tại khoản 5 Điều 7 của Quy chế này.

3. Kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ.

a) Sở Tài chính là đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ theo quy định tại Nghị định số 19/2026/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư, Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra giám sát đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ theo quy định, kịp thời đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý những vấn đề liên quan hoặc các dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân (nếu có) trong quá trình tiếp nhận và sử

dụng các khoản viện trợ theo thẩm quyền. Việc kiểm tra, giám sát, đánh giá hàng năm phải đảm bảo không chồng chéo.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Quản lý nhà nước đối với khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước đối với công tác quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức liên quan

1. Sở Tài chính.

a) Là cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh; thực hiện nhiệm vụ cập nhật thông tin quản lý viện trợ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về viện trợ không hoàn lại của nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Chủ trì hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan liên quan hỗ trợ Bên cung cấp viện trợ thực hiện các hoạt động khảo sát, điều tra và thiết lập quan hệ đối tác tại địa phương (nếu có) theo đề nghị của Bên tiếp nhận viện trợ hoặc ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn Bên tiếp nhận viện trợ lập hồ sơ khoản viện trợ; hướng dẫn việc quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ.

c) Chủ trì thẩm định văn kiện dự án, phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Tài chính thẩm định đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

d) Chủ trì báo cáo cấp có thẩm quyền phân bổ vốn đối ứng, vốn chuẩn bị đầu tư từ ngân sách tỉnh cho các dự án theo Quyết định phê duyệt của Người có thẩm quyền.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế chính sách, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các khoản viện trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan chủ quản; kiểm tra, giám sát tình hình quản lý tài chính và tuân thủ quy định về tài chính của Bên tiếp nhận viện trợ; việc sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương và viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương, đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm chế độ tài chính trong quản lý và sử dụng nguồn viện trợ trên địa bàn tỉnh.

g) Thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quản lý tài chính quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

h) Chủ trì báo cáo tình hình vận động, kết quả thực hiện, giải ngân; công tác quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 9 Quy chế này.

i) Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định tư cách pháp nhân, năng lực của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến thực hiện chương trình, dự án, phi dự án tại địa phương; tham gia ý kiến về đề nghị cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy Đăng ký hoạt động, Giấy Đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài khi có yêu cầu.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các cơ quan liên quan thẩm định tư cách pháp nhân, năng lực của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến thực hiện chương trình, dự án, phi dự án tại địa phương;

b) Chủ trì thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và cấp có thẩm quyền xem xét cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy Đăng ký hoạt động, Giấy Đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài có nhu cầu hoạt động tại tỉnh Hưng Yên.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

d) Phối hợp với Sở Tài chính, cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định hồ sơ khoản viện trợ; thẩm định, đề xuất, kiến nghị về cơ chế, chính sách đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Công an tỉnh.

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong quá trình tiếp nhận, thực hiện các hoạt động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan chức năng xử lý các vụ việc, hiện tượng, phương tiện, tài sản liên quan đến cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài và có yếu tố nước ngoài trong các hoạt động viện trợ trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về an ninh trật tự đối với các hoạt động viện trợ; chủ động phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hoạt động xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của các tổ chức, cá nhân trong quá trình quản lý, sử dụng viện trợ và tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ.

c) Chủ trì hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện các thủ tục cấp, gia hạn, đăng ký phương tiện giao thông liên quan đến thực hiện viện trợ trên địa bàn tỉnh; thực hiện các thủ tục quản lý xuất, nhập cảnh, quản lý cư trú của người nước ngoài tham gia các khoản viện trợ.

d) Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

đ) Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị cấp có thẩm quyền cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy Đăng ký

hoạt động, Giấy Đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài khi có yêu cầu.

e) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định hồ sơ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật. Đánh giá hiệu quả, tác động về an ninh, trật tự xã hội sau khi kết thúc thực hiện.

4. Sở Nội vụ.

Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ;

5. Sở Xây dựng.

a) Chủ trì hướng dẫn chủ khoản viện trợ thực hiện thủ tục về đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

b) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định hồ sơ khoản viện trợ đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

6. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

a) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong tiếp nhận, sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định về bảo vệ an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì hướng dẫn, tổ chức công tác rà phá bom mìn và thẩm định địa bàn rà phá bom mìn khi thực hiện các khoản viện trợ theo Nghị định số 18/2019/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh.

c) Phối hợp với Sở Tài chính trong thẩm định hồ sơ các khoản viện trợ liên quan đến quản lý hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn khu vực biên giới biển và các khoản viện trợ khác khi có yêu cầu.

d) Phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan liên quan tham gia công tác tuyển chọn, thẩm định năng lực của các đơn vị, cá nhân tham gia rà phá bom mìn khi thực hiện các khoản viện trợ.

7. Kho bạc nhà nước khu vực IV.

Chủ trì hướng dẫn, thực hiện thanh toán, hạch toán ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định tại Chương IV Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng

a) Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết tích cực tham gia các hoạt động vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

b) Tham gia công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh.

9. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ Bên cung cấp viện trợ thực hiện các hoạt động khảo sát, điều tra và thiết lập quan hệ đối tác tại địa phương (nếu có) theo đề nghị của Bên tiếp nhận viện trợ hoặc ý kiến chỉ đạo của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định tư cách pháp nhân, năng lực của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến thực hiện chương trình, dự án, phi dự án tại địa phương; tham gia ý kiến về đề nghị cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy Đăng ký hoạt động, Giấy Đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài khi có yêu cầu.

d) Phối hợp tham gia công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh.

10. Các sở, ban, ngành và cơ quan liên quan.

a) Tham gia thẩm định hồ sơ khoản viện trợ theo đề nghị của Sở Tài chính về sự phù hợp của mục tiêu dự án, phi dự án với mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; những cam kết, điều kiện của các bên tham gia; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ; khả năng duy trì tính bền vững của dự án sau khi kết thúc; Phối hợp thẩm định sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ đối với trường hợp bên tiếp nhận viện trợ là các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện hoạt động trong lĩnh vực do Sở, ngành quản lý nhà nước theo quy định.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, sử dụng viện trợ đúng quy định.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường.

a) Tham gia thẩm định hồ sơ khoản viện trợ về sự phù hợp với mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; những cam kết, điều kiện của các bên tham gia; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ; khả năng duy trì tính bền vững sau khi kết thúc khoản viện trợ.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, sử dụng viện trợ theo quy định. Phối hợp với Sở Tài chính tạo điều kiện cho Bên cung cấp viện trợ, bên tiếp nhận viện trợ khảo sát, lập dự án viện trợ triển khai trên địa bàn.

c) Chuẩn bị mặt bằng, cân đối vốn đối ứng bằng hiện vật hoặc tiền mặt từ ngân sách được phân cấp để bố trí thực hiện các khoản viện trợ do Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan trực thuộc thẩm quyền quản lý làm chủ khoản viện trợ.

d) Thực hiện tiếp nhận tài sản thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn sau khi kết thúc dự án theo quy định.

đ) Theo dõi, giám sát, báo cáo tình hình tiếp nhận các khoản viện trợ trên địa bàn.

12. Bên tiếp nhận viện trợ, Chủ khoản viện trợ.

a) Chủ trì vận động, đàm phán các khoản viện trợ; phối hợp với Bên cung cấp viện trợ lập hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ và quản lý thực

hiện các khoản viện trợ.

b) Chủ động cân đối nguồn lực (hiện vật, tiền mặt...) để bố trí vốn đối ứng thực hiện các khoản viện trợ theo cam kết với Bên cung cấp viện trợ;

c) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về chất lượng, hiệu quả và tiến độ thực hiện các dự án, phi dự án; quản lý, thực hiện khoản viện trợ đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam cũng như pháp luật quốc tế; thực hiện đầy đủ, nghiêm túc thỏa thuận theo cam kết với Bên cung cấp viện trợ, tránh phát sinh tranh chấp.

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu về kết quả giải ngân, tình hình quản lý, sử dụng viện trợ tới Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính và UBND xã, phường nơi thực hiện khoản viện trợ (đối với trường hợp UBND xã, phường không phải là Bên tiếp nhận viện trợ).

Điều 12. Điều khoản thi hành.

1. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng các văn bản mới thì các nội dung được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế; các cơ quan, tổ chức báo cáo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.